|  |  |
| --- | --- |
|  | **MA TRẬN, BẢNG ĐẶC TẢ VÀ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ** **MÔN NGỮ VĂN – LỚP 10** |

# MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội****dung/đơn vi kieến thứ c** | **Mức độ nhận thức** | **Tổng****% điểm** |
| **Nhâṇ biết** | **Thông hiểu** | **Vâṇ dung** | **Vâṇ duṇ g cao** |
| **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** | **TNKQ** | **TL** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **3** | **0** | **4** | **1** | **0** | **2** | **0** | **0** | **60%** |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | **0** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** | **0** | **1** | **40%** |
| **Tổng** | ***15*** | ***5*** | ***25*** | ***15*** | ***0*** | ***30*** | ***0*** | ***10*** | **100%** |
| **Tỉ lê ̣%** | **20%** | **40%** | **30%** | **10%** |
| **Tỉ lê ̣chung** | **60%** | **40%** |

**BẢ NG ĐĂC̣**

**TẢ ĐỀ KIỂ M TRA CUỐI KÌ II**

Thời gian làm bài: 90 phút

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chương/ Chủ đề** | **Nội dung/Đơn vi ̣ kiến****thứ c** | **Mức đô ̣đánh giá** | **Số câu hỏi theo mứ c đô ̣nhâṇ thứ c** |
| **Nhâṇ biết** | **Thông hiểu** | **Vâṇ dụng** | **Vâṇ****duṇ g cao** |
| **1** | **Đọc hiểu** | Văn bản thông tin | **Nhận biết**:- Nhận biết được phương thức biểu đạt- Nhận biết được phép liên kết câu- Nhận biết được hình thức trình bày đoạn văn | **3 TN** | **4TN****1TL** | **2 TL** | **0** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | **Thông hiểu**:- Giải thích được mục đích của việc lồng ghép các yếu tố đó vào văn bản- Phân tích được sự kết hợp giữa phương tiện giao tiếp ngôn ngữ và các phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ để biểu đạt nội dung văn bản một cách sinh động, hiệu quả.- Phân tích được đề tài, thông tin cơ bản của văn bản, cách đặt nhan đề của tác giả- Phân tích được lỗi về liên kết đoạn văn và văn bản**Vận dụng:**- Biết suy luận mối liên hệ giữa các chi tiết và vai trò của chúng trong việc thể hiện thông tin chính của văn bản.- Rút ra ý nghĩa hay tác động của văn bản thông tin đã đọc đối với bản thân.- Sửa được lỗi liên kết đoạn văn và văn bản**Vận dụng cao:**- Đánh giá được cách đưa tin và quan điểm của người viết ở một bản tin |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **2** | **Viết** | Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học | **Nhận biết:** Xác định được vấn đề nghị luận; xác định được cách thức trình bày bài văn**Thông hiểu:** * Phân tích được giá trị thẩm mỹ của một số yếu tố trong thơ như ngôn từ, cấu tứ, hình thức bài thơ để chuyển tải nội dung bài thơ
* Phân tích được chủ đề, tư tưởng, thông điệp mà tác giả muốn gửi đến người đọc
* Phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của người viết thể hiện qua bài thơ

**Vận dụng:** * Đánh giá được ý nghĩa, giá trị của bài thơ đối với cuộc sống và con người

**Vận dụng cao:*** Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với các vấn đề đặt ra từ văn bản
* So sánh được hai văn bản văn học cùng đề tài
 | 1\* | 1\* | 1\* | 1TL\* |
| **Tổng** |  | **3 TN** | **4TN****1TL** | **2 TL** | **1 TL** |
| ***Tỉ lê ̣%*** |  | ***20*** | ***40*** | ***30*** | ***10*** |
| **Tỉ lê ̣chung** |  | **60** | **40** |

* **Ghi chú:** Phần viết có 01 câu bao hàm cả 4 cấp độ.

**ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 – LỚP 10**

**MÔN: NGỮ VĂN – NHÓM 2**

*(Thời gian làm bài: 90 phút, không kể thời gian phát đề)*

**I. ĐỌC (6,0 điểm)**

***Cũng giống như nhiều đô thị trên thế giới, Thăng Long – Hà Nội luôn luôn là một điểm đến hấp dẫn của nhiều luồng di cư. Luồng thứ nhất bao gồm những thành phần tinh hoa của đất nước. Họ là những người có năng lực, học vấn và vốn liếng, được tuyển dụng hoặc tự tìm đến chốn kinh kỳ để phát triển và thi thố với đời.*** *Luồng thứ hai là những người dân cùng khổ đến từ các vùng nông thôn do lao dịch, thuế má, thất bát, dịch bệnh và bóc lột bị đẩy đến tình trạng bần cùng. Họ đổ về Thăng Long tìm cơ hội thay đổi cuộc đời và tạo nên những khu cư trú tồi tàn của người lao động vùng ngoại ô. Luồng di cư thứ ba là những người nước ngoài đủ mọi thành phần sắc tộc và chủng tộc, từ những thương nhân, nhà truyền giáo , nhà ngoại giao cho đến những người lao động nghèo hèn. Họ di chuyển vào thành phố lớn để tìm kiếm cơ hội phát triển sự nghiệp hoặc chỉ đơn giản là tìm kế sinh nhai. Bên cạnh luồng di cư đến thành phố , cũng có luồng di cư ra khỏi thành phố dù là tự nguyện hay cưỡng bức. Đặc biệt, các cuộc chiến tranh binh lửa, xung đột và cướp bóc đẫm máu thường là nguyên nhân làm cho số lượng cư dân khu vực đô thị giảm đi nhanh chóng. Chính sách của nhà nước ở mỗi thời kì cũng khuyến khích hoặc ngăn chặn các luồng di dân vào thành phố làm cho dân số khu vực đô thị thay đổi thất thường. Tuy nhiên, hiện tượng nổi bật của các biến động dân số khu vực đô thị chính là các dòng di cư.*

(Nguyễn Văn Chinh, *Cấu trúc và giải cấu trúc bản sắc văn hóa Hà Nội*, Khoa Lịch sử: Một chặng đường nghiên cứu (2006-2011), NXB Thế giới, 2011, trang 163-192)

**Lựa chọn đáp án đúng:**

**Câu 1**. Đoạn trích trên sử dụng phương thức biểu đạt chính nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Nghị luận | **B.** Tự sự | **C**. Thuyết minh | **D.** Biểu cảm |

**Câu 2.** Phép liên kết câu nào được sử dụng trong phần in đậm trên?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. Phép nối | **B**. Phép lặp | **C.** Phép thế | **D**. Phép đồng nghĩa |

**Câu 3.** Đoạn văn được trình bày theo hình thức nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A**. Diễn dịch | **B.** Tổng – phân – hợp | **C.** Móc xích | **D**. Song hành |

**Câu 4.** Để làm rõ *Thăng Long – Hà Nội luôn luôn là một điểm đến hấp dẫn của nhiều luồng di cư*, tác giả đã sử dụng thao tác lập luận nào?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **A.** Chứng minh | **B.** Phân tích | **C.** Giải thích | **D.** Bình luận |

**Câu 5.** Trong đoạn trích trên, *dòng di cư* được tác giả đề cập đến có thể được hiểu là:

**A.** Dòng người di chuyển đến nơi khác sinh sống

**B**. Dòng người cư trú ở một nơi nhất định

**C.** Dòng người định cư ở một nơi nào đó

**D**. Dòng người đang sinh sống ở một nơi xa lạ

**Câu 6**. Mục đích của việc chỉ ra các dòng di cư đến và đi khỏi Hà Nội là gì?

**A.** Để giúp người đọc hiểu được thành phần dân cư sinh sống ở Hà Nội

**B**. Để giúp người đọc hiểu được dòng người di cư đến Hà Nội

**C**. Để giúp người đọc hiểu dòng người rời khỏi Hà Nội

**D**. Để giúp người đọc hiểu nguyên nhân dân số khu vực đô thị thay đổi thất thường

**Câu 7.** Ý nào khái quát được nội dung chính của văn bản?

**A**. Các luồng di cư đến Hà Nội

**B**. Các luồng di cư đi khỏi Hà Nội

**C**. Chính sách của nhà nước tác động đến sự thay đổi dân cư của Hà Nội

**D**. Hà Nội luôn luôn là điểm đến hấp dẫn của các luồng di cư

**Trả lời câu hỏi/thực hiện yêu cầu:**

**Câu 8**. Vì sao cơ hội thay đổi cuộc đời có thể đến với những người lao động cùng khổ khi họ đổ về Thăng Long – Hà Nội?

**Câu 9.** Theo anh/chị, trong xã hội hiện nay, việc di cư về thành phố có phải là cơ hội tốt nhất để thay đổi cuộc đời không? Vì sao?

**Câu 10.** Anh/Chị có đồng tình với quan điểm*những người dân cùng khổ đến từ các vùng nông thôn* sẽ *tạo nên những khu cư trú tồi tàn của người lao động vùng ngoại ô* không?

**II. VIẾT (4,0 điểm)**

 Anh (chị) hãy phân tích nét đặc sắc về nội dung của văn bản sau:

*Đời con thưa dần mùi khói*

*Mẹ già nua như những buổi chiều*

*lăng lắc tuổi xuân, lăng lắc niềm thôn dã*

*bếp lửa ngày đông…*

*Mơ được về bên mẹ*

*ao xưa, mảnh vườn nhỏ ngày xưa*

*bậc thềm giàn giụa trăng mỗi tối.*

*Bên những hoàng hôn loang lổ gò đồi*

*mùi lá bạch đàn xộc vào giấc ngủ*

*con về yêu mái rạ cuộc đời.*

*Một sớm vắng*

*ùa lên khói bếp*

*về đây củi lửa*

*ngày xưa…*

 (*Củi lửa* - Dương Kiều Minh, NXB Tác phẩm mới, 1989)

**-----------HẾT----------**

Thí sinh không được sử dụng tài liệu. Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

Họ và tên: …………………………. SBD: ………………………………

**ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM**

**MÔN: NGỮ VĂN LỚP 10**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu**  | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC HIỂU** |  |
|  | **1** | C | 0,5 |
| **2** | C | 0,5 |
| **3** | A | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
|  | **8** | Cơ hội thay đổi cuộc đời có thể đến với những người lao động cùng khổ khi họ đổ về Thăng Long – Hà Nội, vì: Thăng Long – Hà Nội là trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa/ có cơ hội tìm việc làm, thu nhập cao hơn, chất lượng sống tốt hơn. ***Hướng dẫn chấm:*** *- Học sinh trả lời tương đương đáp án: 0,5 điểm.**- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.* *- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục diễn đạt nhiều cách miễn là hợp lí là chấp nhận được.*  | 0,5 |
|  | **9** | Gợi ý hai cách trả lời việc di cư về thành phố có phải là cơ hội tốt nhất để thay đổi cuộc đời: - Thành phố là nơi phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội….- Nhiều tỉnh lẻ, vùng quê vẫn có thể là cơ hội phát triển. **Hướng dẫn chấm:** *- Học sinh trả lời tương đương đáp án: 1,0 điểm.**- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.* *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.**- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục diễn đạt nhiều cách miễn là hợp lí là chấp nhận được.* | 1,0 |
|  | **10** | Gợi ý cách bày tỏ quan điểm:- Đồng tình vì những cư dân nghèo khổ không có điều kiện sống tốt, không có khả năng cải thiện đời sống. - Không đồng tình vì những người nghèo khổ vẫn có khả năng thay đổi cuộc đời nếu họ chăm chỉ, biết tận dụng cơ hội. **Hướng dẫn chấm:** *- Học sinh trả lời tương đương đáp án: 1,0 điểm.**- Học sinh trả lời đúng 1 ý: 0,5 điểm.* *- Học sinh trả lời có nội dung phù hợp nhưng diễn đạt chưa tốt: 0,25 điểm.**- Học sinh trả lời không thuyết phục hoặc không trả lời: 0,0 điểm.* ***\* Lưu ý:*** *Học sinh có thể trả lời khác đáp án nhưng thuyết phục diễn đạt nhiều cách miễn là hợp lí là chấp nhận được.* | 1,0 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0**  |
|  | A | *Đảm bảo cấu trúc bài nghị luận:D*Mở bài nêu được vấn đề, thân bài triển khai được vấn đề, kết bài khái quát được vấn đề | 0,25 |
|  | b | *Xác định đúng vấn đề cần nghị luận:*Đặc sắc về nội dung của văn bản *Củi lửa.* | 0,25 |
|  | c | *Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm:*Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng. Dưới đây là một vài gợi ý cần hướng tới: | 2,0 |
|  |  | - Bài thơ là những cảm xúc của người con khi đã rời xa mẹ, rời xa quê hương yêu dấu - *Đời con thưa dần mùi khói:*+ Người con thấu hiểu, thấm thía những vất vả, nhọc nhằn, tảo tần khuya sớm, sự hi sinh vô bờ bến của mẹ (*Mẹ già nua như những buổi chiều/lăng lắc tuổi xuân…*)+ Người con khao khát, ước mơ được trở về bên mẹ để được sống lại những kỉ niệm ấm áp thân thương bên mẹ, nơi quê hương yêu dấu (*Mơ được về bên mẹ, Một sớm vắng/ùa lên khói bếp/về đây củi lửa/ngày xưa…; ao xưa, mảnh vườn nhỏ; bậc thềm; những hoàng hôn; mùi lá bạch đàn; mái rạ)* |  |
|  |  | - Đánh giá chung: | 0,5 |
|  |  | + Nghệ thuật: thể thơ tự do giúp tác giả dễ dàng bộc lộ cảm xúc, sống dậy những kỉ niệm, những hồi ức bên mẹ; ngôn ngữ, hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc mà vẫn giàu sức gợi; giọng thơ tha thiết, sâu lắng…+ Nội dung: thể hiện tình cảm yêu thương, lòng biết ơn vô hạn của người con dành cho mẹ; sự gắn bó sâu nặng của người con với quê hương, nơi chôn rau cắt rốn của mình; từ đó, khơi dậy trong lòng người đọc những giá trị thiêng liêng của tình mẫu tử và tình yêu quê hương đất nước. |  |
|  | d | *Chính tả, ngữ pháp:*Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt | 0,5 |
|  | e | *Sáng tạo:* Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. | 0,5 |
| **Tổng cộng**  | **10,0**  |